

LĐ VIETSOVPETRO
TRƯỜNG BAN ĐĐT

K/g: Đ/c Giám đốc Công ty bay dịch vụ miền nam

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 11/08/2026

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		AMD+MRM+PBDA	7:25	16+4+0	0+0+0		13+0+8	0+0+0	
2		RP3+RP1+RC4	7:25	21+0+0	0+0+0		20+1+0	0+0+0	chuyen 1 Rp1-rc4
3		PPD+CTC1+RP3	9:25	18+3+0	0+0+0		17+0+2	0+0+0	chuyen 1 Rp1-rc4
4		P1+TD3+SAVR	9:25	14+7+0	0+0+0		0+0+9	0+0+0	
5		TGTH1+AMD	13:25	6+9	0+0		5+9	0+0	puma
6		TD2	14:00	17	0		19	0	ec225

TTBDSX



FLIGHT MANIFEST



Giữ lửa cho Tương lai

DATE: 11/08/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: VN-8406	ETD: 07:30
B.CARD: XANH-1	TO: AMD - MRM - PBDA	CREW: HÙNG - N.ANH - QTRƯỜNG	ETA: 09:20
VSP FLIGHT: 1		VNHS FLIGHT: TM26/3623	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	"MOHD IKHMIL FADZRIZAN	AMD	80-81	2	20	1	6	110	BAB	Malaysian
2	NGÔ SỸ KHÔI	AMD	99	1	15	4	100	74	KH-THAC	Vietnamese
3	PHẠM VĂN LÂM	AMD	01	1	8			75	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYỄN ANH KHOA	AMD	92	1	6			67	KH-THAC	Vietnamese
5	LÊ TRÍ TRUNG	AMD	85,86	2	15			71	KH-THAC	Vietnamese
6	TRƯƠNG THẾ KHẢI	AMD	88	1	5			72	KH-THAC	Vietnamese
7	LÊ QUỐC HUY	AMD	96	1	7			85	PVD TRAINING	Vietnamese
8	PHAN VĂN CHUNG	AMD	90,92	2	15			76	KH-THAC	Vietnamese
9	ĐOÀN VĂN DŨNG	AMD	98	1	10			72	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYỄN TRỌNG TUÂN	AMD	600	1	15			65	KH-THAC	Vietnamese
11	LÊ VĂN TRƯỜNG	AMD	89	1	5			68	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYỄN HÙNG MẠNH	AMD	93-94	2	15			67	KH-THAC	Vietnamese
13	PHẠM TÂN ANH ĐỨC	AMD	91,02	2	10			65	KH-THAC	Vietnamese
14	LE DUC TAM	AMD	82-83	2	15			71	KH-THAC	Vietnamese
15	DUONG MINH BAC	AMD	86-87	2	13			83	KH-THAC	Vietnamese
16	TANG XUAN HAI	AMD	95	1	6			60	KH-THAC	Vietnamese
17	NGUYEN VAN HIEU	MRM	03	1	15			85	DVL	Vietnamese
18	TRUONG MINH KHANH	MRM	06	1	15			74	DVL	Vietnamese
19	TRAN VAN HIEP	MRM	04	1	15			76	DVL	Vietnamese
20	LUU DINH TRONG	MRM	05	1	16			80	DVL	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	AMD	16	1.181	23	180	5	106	13		
2	MRM	4	315	4	61	0	0	0		
3	PBDA	0	0	0	0	0	0	8		
TOTAL		20	1.496	27	241	5	106	21		
WEIGHT KG			1.496		241		106			

GRAND TOAL: 1.843 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

VŨ THỊ THU HƯƠNG

CREW

LÊ QUÝ HUNG
NGHIÊM VIỆT ANH





FLIGHT MANIFEST



Giữ lửa cho Tương lai

DATE: 11/08/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: VN-8420	ETD: 07:35
B.CARD: <i>Can 1</i>	TO: RP3 - RP1 - RC4	CREW: DƯƠNG - CHIẾN - MQUÂN	ETA: 09:25
VSP FLIGHT: 2		VNHS FLIGHT: TM26/3625	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	ĐÀO MINH TUẤN	RP3	28-29	2	12			93	YTE	Vietnamese
2	HACINI ABDELHAMID	RP3	38	1	8			66	THIÊN NAM	Algeria
3	ROBERT NAGLE	RP3	35	1	10	1	20	95	THIÊN NAM	New Zealand
4	MAI THANH SƠN	RP3	51-52	2	13			61	THIÊN NAM	Vietnamese
5	BÙI NGUYỄN TRUNG HẬU	RP3	54	1	6			57	THIÊN NAM	Vietnamese
6	PHAN THANH TÂM	RP3	27	1	11			55	THIÊN NAM	Vietnamese
7	NGUYỄN NGHĨA TUẤN	RP3	53	1	10			73	THIÊN NAM	Vietnamese
8	TRẦN ĐẮC LƯU	RP3	32-33	2	4			65	THIÊN NAM	Vietnamese
9	NGUYỄN ĐỨC HẢI	RP3	40-42	3	12			55	THIÊN NAM	Vietnamese
10	LÊ MINH THUẬN	RP3	45	1	10	2	25	56	THIÊN NAM	Vietnamese
11	HỒ ĐỨC KHAI	RP3	24	1	10			69	THIÊN NAM	Vietnamese
12	TRẦN ĐÌNH PHÚ	RP3	50	1	10			67	THIÊN NAM	Vietnamese
13	ĐẶNG NGỌC TUYÊN	RP3	25-26	2	13			52	THIÊN NAM	Vietnamese
14	NGUYỄN ĐỨC MẠNH	RP3	36-37	2	19			52	THIÊN NAM	Vietnamese
15	HOÀNG NGỌC XUÂN THÀNH	RP3	30-31	2	12			77	THIÊN NAM	Vietnamese
16	TRẦN QUỐC TÂM	RP3	22-23	2	6			61	THIÊN NAM	Vietnamese
17	TIDJANI SEGHIR	RP3	19	1	12			94	THIÊN NAM	Algeria
18	NGUYỄN NGỌC HIỆP	RP3	20-21	2	12			73	ĐÀO GIA PHÁT	Vietnamese
19	PHAN VĂN LỆ	RP3	48	1	5	2	17	73	T-TIN	Vietnamese
20	TRẦN HOÀNG TRIỀU	RP3	49	1	11			78	T-TIN	Vietnamese
21	NGUYỄN THANH HÀ	RP3	39	1	3			64	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	RP3	21	1.436	31	209	5	62	20		
2	RP1	0	0	0	0	1	18	1	f1	CHUYÊN 01 RP1-RC4
3	RC4	0	0	0	0	0	0	0		
TOTAL		21	1.436	31	209	6	80	21		
WEIGHT KG			1.436		209		80			

GRAND TOAL: 1.725 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

HOÀNG THỊ THỦY

CREW

BÙI HOÀNG DƯƠNG

ĐỖ VĂN CHIẾN





FLIGHT MANIFEST



Giữ lửa cho Tương lai

DATE: 11/08/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: VN-8406	ETD: 09:50
B.CARD: XANH-2	TO: PPD - CTC1 - RP3	CREW: HÙNG - N.ANH - QTRƯỜNG	ETA: 11:40
VSP FLIGHT: 3		VNHS FLIGHT: TM26/3624	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	LƯU VĂN CHIẾN	PPD	28-29	2	12	6	100	67	YTE	Vietnamese
2	TRÌNH VĂN NHÃ	PPD	34-35	2	10			69	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYỄN CAO CƯỜNG	PPD						68	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYỄN VĂN SƠN	PPD	31	1	3			64	KH-THAC	Vietnamese
5	BÙI VĂN ĐÀO	PPD	32	1	7			91	KH-THAC	Vietnamese
6	ĐINH VĂN HAI	PPD	37-38	2	11			53	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYỄN VĂN BẮC	PPD	25-26	2	14			60	KH-THAC	Vietnamese
8	BIỆN MINH SƠN	PPD	36	1	7			76	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYỄN VĂN SÍNH	PPD	27	1	11			66	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYỄN CÔNG DŨNG	PPD	46-47	2	12			63	KH-THAC	Vietnamese
11	DƯƠNG MINH KHÁNH	PPD	33	1	7			60	KH-THAC	Vietnamese
12	ĐÀO XUÂN TÚ	PPD	30	1	4			70	KH-THAC	Vietnamese
13	LÊ TUẤN AN	PPD	41	1	10			77	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYỄN TRỌNG HOÀNG	PPD	48	1	6			78	KH-THAC	Vietnamese
15	PHẠM THANH QUANG	PPD	45	1	6			75	KH-THAC	Vietnamese
16	TRẦN THANH TRÍ	PPD	44	1	5			73	KH-THAC	Vietnamese
17	ĐỖ TIẾN THÀNH	PPD	39-40	2	11			68	KHI	Vietnamese
18	CAO VĂN HIỀN	PPD	42-43	2	10			64	KHI	Vietnamese
19	ĐINH VĂN BIÊN	CTC1	87	1	12	2	24	69	VMI	Vietnamese
20	VŨ THANH TÙNG	CTC1	62-63	2	14			56	KH-THAC	Vietnamese
21	NGUYỄN VĂN HOÀI	CTC1	61	1	7			56	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	PPD	18	1.242	24	146	6	100	17		
2	CTC1	3	181	4	33	2	24	0		
3	RP3	0	0	0	0	0	0	2		
TOTAL		21	1.423	28	179	8	124	19		
WEIGHT KG			1.423		179		124			

GRAND TOAL: 1.726 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

NGUYỄN THỊ MỸ HẠNH

CREW

LÊ QUÝ HÙNG
NGHIÊM VIỆT ANH





FLIGHT MANIFEST



Giữ lửa cho Tương lai

DATE: 11/08/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: VN-8420	ETD: 09:55
B.CARD: CAM-2	TO: P1 - TD3 - SAVR	CREW: DƯƠNG - CHIẾN - MQUÂN	ETA: 11:45
VSP FLIGHT: 4	VNHS FLIGHT: TM26/3626		

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	NGUYỄN HUY HOÀNG	P1	46	1	9			65	TRƯỜNG VINH	Vietnamese
2	THÁI THÀNH NGỌC	P1	55-56	2	15			60	TRƯỜNG VINH	Vietnamese
3	NGUYỄN ĐÌNH QUỲNH	P1	47-48	2	16			68	TRƯỜNG VINH	Vietnamese
4	TRẦN MINH TRUNG	P1	50	1	9			66	TRƯỜNG VINH	Vietnamese
5	VŨ ĐỨC MẠNH	P1	51-52	2	13			57	TRƯỜNG VINH	Vietnamese
6	PHẠM ĐỨC HIỆP	P1	53-54	2	17			76	TRƯỜNG VINH	Vietnamese
7	NGUYỄN VĂN NUÔI	P1	49	1	8			55	TRƯỜNG VINH	Vietnamese
8	ĐỖ VĂN THÀNH	P1	45	1	10	2	40	58	TRƯỜNG VINH	Vietnamese
9	ĐẶNG TIẾN BẢO	P1	57	1	7			57	TRƯỜNG VINH	Vietnamese
10	PHAN THÀNH TÝ	P1	61	1	6			47	HÀ VIỆT	Vietnamese
11	LÊ HẢI ĐĂNG	P1	58-59	2	14			82	HÀ VIỆT	Vietnamese
12	ĐẶNG HẢI ĐƯỜNG	P1	44	1	6			67	HÀ VIỆT	Vietnamese
13	TRẦN NGHĨA DÂN	P1	60	1	5			62	HÀ VIỆT	Vietnamese
14	ĐẶNG MẠNH HẢI	P1	43	1	7			63	HÀ VIỆT	Vietnamese
15	ĐÀO DUY DIỆP	TD3	03	1	12			83	KHOAN	Vietnamese
16	TRẦN TRỌNG TIẾN	TD3	07	1	14			75	KHOAN	Vietnamese
17	NGÔ DUY NGỌC	TD3	05	1	13			61	KHOAN	Vietnamese
18	LÊ XUÂN THẮNG	TD3	01-02	2	22			79	KHOAN	Vietnamese
19	NGUYỄN ĐÌNH PHƯƠNG	TD3	06	1	5	1	5	86	KHOAN	Vietnamese
20	ĐẶNG MINH TUẤN	TD3	04	1	15			88	KHOAN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	P1	14	883	19	142	2	40	0		
2	TD3	6	472	7	81	1	5	0		
3	SAVR	0	0	0	0	0	0	15		
TOTAL		20	1.355	26	223	3	45	15		
WEIGHT KG			1.355		223		45			

GRAND TOAL: 1.623 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

LẠI HỒNG DIỆP

CREW

BÙI HOÀNG DƯƠNG

ĐỖ VĂN CHIẾN



FLIGHT MANIFEST

Giữ lửa cho Tương lai

DATE: 11/08/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: VN-8622	ETD: 13:45
B.CARD: XANH-3	TO: TGTH1 - AMD	CREW: TRƯỜNG - TTRUNG	ETA: 16:00
VSP FLIGHT: 5	VNHS FLIGHT: TM26/3622		

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	LA NGOC HOAN	TGTH1	02	1	8			72	HLJOC	Vietnamese
2	NGUYỄN HOÀNG LONG	TGTH1	79-80	2	13			64	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYỄN MẠNH HÀ	TGTH1	05	1	8	4	52	52	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYỄN HỮU TÀI	TGTH1	06	1	6			80	KH-THAC	Vietnamese
5	TRẦN ĐỨC CƯỜNG	TGTH1	03-04	2	13			63	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYỄN TÂN VƯƠNG	TGTH1	78	1	6			67	PSV	Vietnamese
7	TRỊNH VĂN TIẾN	AMD	17	1	10			79	ANTOAN	Vietnamese
8	VŨ XUÂN TRƯỜNG	AMD	08	1	11	1	11	60	ANTOAN	Vietnamese
9	TRẦN VĂN TRUNG	AMD	13	1	3	2	25	66	PSV	Vietnamese
10	DƯƠNG ĐÌNH HÒE	AMD	11	1	11			54	PHATECO	Vietnamese
11	NGUYỄN HUY QUYẾT	AMD	12	1	6			57	PHATECO	Vietnamese
12	PHẠM VĂN HÒA	AMD	15	1	5			66	PHATECO	Vietnamese
13	VŨ ĐÌNH TRỌNG	AMD	16	1	10			72	PHATECO	Vietnamese
14	NGUYỄN DUY DẦN	AMD	10	1	9			75	PHATECO	Vietnamese
15	LÊ NHƯ HẢI	AMD	14	1	9			74	PHATECO	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	TGTH1	6	398	8	54	4	52	5		
2	AMD	9	603	9	74	3	36	9		
TOTAL		15	1.001	17	128	7	88	14		
WEIGHT KG			1.001		128		88			

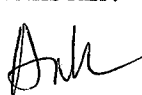
GRAND TOAL: 1.217 KGS

VSP REP.



NGUYỄN THÚC HÀ

VNHS REP.



VŨ THỊ ÁNH

CREW



DƯƠNG VĂN TRƯỜNG
NGUYỄN THÀNH TRUNG

☐
☐



FLIGHT MANIFEST



Giữ lửa cho Tương lai

DATE: 11/08/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: VN-8620	ETD: 14:00
B.CARD: CAM-3	TO: TD2	CREW: MMINH - VLINH	ETA: 17:10
VSP FLIGHT: 6	VNHS FLIGHT: TM26/3618		

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	QUÁCH VĂN THAO	TD2	43	1	5			65	YTE	Vietnamese
2	LƯU THỂ ANH	TD2	42	1	4			76	KH-THAC	Vietnamese
3	PHẠM QUANG QUÝ	TD2	38	1	7			62	KH-THAC	Vietnamese
4	VŨ DUY DŨNG	TD2	45	1	7			79	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYỄN VĂN CHỈNH	TD2	41	1	3			60	KH-THAC	Vietnamese
6	PHẠM HỮU PHƯỚC	TD2	49	1	6			80	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYỄN LÂM GIANG	TD2	39	1	6			76	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYỄN TIẾN THÀNH	TD2	40	1	9			62	KH-THAC	Vietnamese
9	LÊ DUY ĐỨC	TD2	37	1	3			65	KH-THAC	Vietnamese
10	BÙI TRỌNG HƯNG	TD2	50	1	7			66	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYỄN XUÂN HẢI	TD2	44	1	4			72	KH-THAC	Vietnamese
12	LẠI MINH HOÀNG	TD2	47	1	7			84	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYỄN HOÀNG TÙNG	TD2	48	1	5	4	67	67	GETRACO	Vietnamese
14	NGUYỄN HOÀNG MINH	TD2	51	1	9	9	124	73	CODIEN	Vietnamese
15	TÔ TIẾN HÙNG	TD2	52	1	6			81	CODIEN	Vietnamese
16	HOÀNG GIANG LAM	TD2						83	PSV	Vietnamese
17	MAI CAO DINH	TD2	46	1	5			65	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	TD2	17	1.216	16	93	13	191	19		
TOTAL		17	1.216	16	93	13	191	19		
WEIGHT KG			1.216		93		191			

GRAND TOAL: 1.500 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

NGUYỄN THỊ NGỌC HÀ

CREW

MÀU MẠNH MINH

TRỊNH VINH LINH





XNLD"VIETSOVPETRO"

DANH SÁCH HÀNH KHÁCH

Đường bay: TD2

Ngày bay: 11/08/2026		Nơi xuất phát: BK-TNG		Số hiệu máy bay:		Giờ cất cánh:		
Chuyến bay: TD2		Nơi đến: Vũng Tàu		Tổ bay:		Giờ hạ cánh:		
STT	Tên hành khách	Số hộ chiếu/ CMTND	Quốc tịch	Chức vụ	Công ty	HÀNH LÝ		TL
						Số kiện	Kg	Kg
1	Phan Viết Tùng	18001	Việt Nam	CV Công Nghệ	VSP-KhaiThac			72
2	Nguyễn Trùng Dương	18000	Việt Nam	KS Công nghệ	VSP-KhaiThac	1	3	64
3	Phạm Tiến Thắng	22301	Việt Nam	Thợ vận hành	VSP-KhaiThac	1	5	66
4	Nguyễn Thành Nam	20751	Việt Nam	KS Cơ khí - ĐL	VSP-KhaiThac	1	8	72
5	Tô Hiến Thành	18154	Việt Nam	Thợ Tiện - Ngươi	VSP-KhaiThac	2	13	57
6	Phạm Văn Thi	18681	Việt Nam	CV An Toàn	VSP-KhaiThac	1	4	62
7	Tô Hùng Dũng	18005	Việt Nam	KS Điện - TĐH	VSP-KhaiThac	1	5	72
8	Nguyễn Thanh Hải	15459	Việt Nam	KS Điện - TĐH	VSP-KhaiThac			75
9	Nguyễn Quốc Hiếu	21587	Việt Nam	Thợ Tua Bìn	VSP-KhaiThac	1	8	63
10	Nguyễn Anh Tuấn	21594	Việt Nam	Thợ Đ-TĐH	VSP-KhaiThac	1	5	62
11	Lê Hồng Quang	18779	Việt Nam	KS Công nghệ	VSP-KhaiThac	1	10	75
12	Lưu Đức Nguru	054085001658	Việt Nam	KS CK-ĐL	Getraco	1	8	70
13	Nguyễn Ngô Hoàn	18685	Việt Nam	Bác sỹ	TTYT	1	5	58
14	Đoàn Đức Tùy	034067012150	Việt Nam	Đốc Công ĐS	Petrosetco	1	5	60
15	Trần Văn Quân	008077007707	Việt Nam	Phụ bếp	Petrosetco	1	5	70
16	Phạm Văn Vinh	XL-2003	Việt Nam	Thợ điện	VSP-Xây lắp	1	18	72
17	Trần Thế Long	XL-2620	Việt Nam	Thợ điện	VSP-Xây lắp	1	18	65
17								
17								
Tổng số hành khách		17				16	120	1135

HÀNG HÓA:

Stt	Tên hàng hóa	Nơi đến	Sl	Trọng.lg (kg)
1				
2				

Ghi chú:

Người lập:

Đại diện giàn:

Phi công trưởng:

Tổng cộng**0****0****Mô tả****Số
lượng****Trọng lượng
(kg)**

Hành khách

17

1135

Hành lý

16

120

Hàng hóa

0

0

Tổng cộng**33****1255**